

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN THỐT NỐT  
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2021/DS-ST

Ngày: 12.4.2021

V/v: “Tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỐT NỐT**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Điền
- *Hội thẩm nhân dân:*
  1. Ông Huỳnh Văn Góc
  2. Bà Võ Thị Ánh
- *Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Nhàn - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Kiều Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 297/2020/TLST-DS ngày 03 tháng 11 năm 2020 về việc: “Tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 240/2021/QĐXX-ST ngày 23 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Đ*  
Trụ sở: phường O, quận U, thành phố Hồ Chí Minh.  
Đại diện theo pháp luật: ông Võ Minh T<sup>1</sup>, chức vụ: chủ tịch hội đồng quản trị.  
Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Thanh T<sup>2</sup>, chức vụ: Tổng giám đốc (theo văn bản ủy quyền số: 11/QĐ-DAB-HĐQT ngày 24.01.2019).  
Người đại diện tham gia tố tụng: ông Ông Thanh T - chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch Thốt Nốt. Địa chỉ liên lạc: khu vực S, phường G, quận T, tp. Cần Thơ (theo văn bản ủy quyền số: 4778/QĐ-DAB-QTNL ngày 15.9.2020).

2. *Bị đơn:*

- |  |               |
|--|---------------|
| 2.1. Chị <b>Trương Thị T</b>               | sinh năm 1984 |
| 2.2. Anh <b>Trương Thành T<sup>1</sup></b> | sinh năm 1986 |
| 2.3. Anh <b>Trương Thành T<sup>2</sup></b> | sinh năm 1988 |
| 2.4. Anh <b>Trương Thành T<sup>3</sup></b> | sinh năm 1995 |

Cư ngụ: khu vực P, phường Q, quận T, thành phố Cần Thơ.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- |                              |               |
|------------------------------|---------------|
| 3.1. Ông <b>Nguyễn Văn N</b> | sinh năm 1971 |
| 3.2. Bà <b>Phạm Thị A</b>    | sinh năm 1969 |

Cư ngụ: khu vực L, phường H, quận T, thành phố Cần Thơ.

(nguyên đơn và người liên quan có mặt; bị đơn vắng mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* *Tại đơn khởi kiện đề ngày 26.8.2020, nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Đ có đại diện ủy quyền ông Ông Thanh T trình bày:* Vào ngày 04.01.2019, Ngân hàng thương mại cổ phần Đ có cho ông Trương Văn N vay vốn theo hợp đồng tín dụng số: N0002/119. Theo đó, ngân hàng cho ông N vay 200.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay: chi phí phục vụ nông nghiệp trồng lúa, lãi suất: 10,5%/năm, lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn đang áp dụng tại thời điểm phát sinh nợ quá hạn.

Để đảm bảo nợ vay thì Ngân hàng với ông N thỏa thuận ký hợp đồng thế chấp số: K.0001-19/TC ngày 04.01.2019 với tài sản thế chấp là phần đất diện tích 3.408m<sup>2</sup>, thửa đất số 700, tờ bản đồ số 8, loại đất 2L, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng số: 000234.QSĐĐ do UBND quận T cấp ngày 03.9.1990 cho ông Trương Văn N đứng tên quyền sử dụng - tọa lạc tại khu vực L, phường H, quận T, thành phố Cần Thơ.

Quá trình vay thì ông N chết nên khi đến hạn thanh toán thì phía ông N không trả nợ cho ngân hàng nên phát sinh người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông N gồm các con của ông N. Mặc dù, ngân hàng nhiều lần yêu cầu đòi nợ quá hạn nhưng các con ông N không thực hiện nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông N có trách nhiệm trả nợ gốc và lãi tính đến ngày xét xử vụ án và tiền lãi phát sinh đến khi bị đơn thanh toán xong nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký. Nếu bị đơn không thanh toán được nợ thì yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng giữa ngân hàng với ông N, nếu tài sản phát mãi không đủ trả nợ thì tiếp tục trả thêm cho đến khi trả tất nợ. Cụ thể, đến ngày 17.3.2021 ngân hàng yêu cầu chị T, anh T<sup>1</sup>, anh T<sup>2</sup> và anh T<sup>3</sup> có trách nhiệm thanh toán cho ngân hàng tổng cộng 138.188.358 đồng (trong đó nợ gốc 100.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 10.356.165 đồng và nợ lãi quá hạn 27.832.193 đồng) và tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán dứt nợ.

\* *Tại biên bản lấy lời khai ngày 23.3.2021, bị đơn anh Trương Thành T<sup>1</sup> và anh Trương Thành T<sup>2</sup> trình bày:* Thống nhất việc Ngân hàng thương mại cổ phần Đ với ông Trương Văn N có giao kết hợp đồng tín dụng số: N0002/119 ngày 04.01.2019. Theo đó ngân hàng cho ông N vay 200.000.000 đồng, thời hạn 12 tháng, mục đích vay chi phí phục vụ nông nghiệp trồng lúa, lãi suất 10,5%/năm, lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn đang áp dụng tại thời điểm phát sinh nợ quá hạn.

Để đảm bảo nợ vay, ông N thế chấp quyền sử dụng đất thửa số 700 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng số: 000234 do UBND quận T cấp ngày 03.9.1990 cho ông Trương Văn N đứng tên quyền sử dụng đất - tọa lạc tại khu vực L, phường H, quận T, thành phố Cần Thơ.

Quá trình vay vốn ông N đã trả được 100.000.000 đồng nợ gốc, 38.000.000 đồng nợ lãi. Nay qua yêu cầu đòi nợ của ngân hàng thì anh T<sup>1</sup> và anh T<sup>2</sup> đồng ý trả nợ theo hợp đồng tín dụng số: N0002/119 ngày 04.01.2019 tính đến ngày 17.3.2021 thì

số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 10.356.165 đồng, nợ lãi quá hạn 27.832.193 đồng và tiền lãi phát sinh. Đồng ý phát mãi tài sản thế chấp để thanh toán nợ. Nếu tài sản thế chấp không đủ trả nợ thì yêu cầu bị đơn tiếp tục trả thêm cho đến khi tất nợ.

*\* Tại tờ tự khai ngày 24.3.2021, bị đơn chị Trương Thị T và anh Trương Thành T<sup>3</sup> trình bày:* Thống nhất sự thỏa thuận giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Đ với ông Trương Văn N về giao kết hợp đồng tín dụng số: N0002/119 ngày 04.01.2019 với số tiền vay là 200.000.000 đồng. Theo đó, ông N thế chấp quyền sử dụng đất thửa số 700 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 000234 ngày 03.9.1990 do ông Trương Văn N đứng tên quyền sử dụng đất.

Anh chị thống nhất số tiền nợ mà ngân hàng yêu cầu, nhưng do ông N chết không để lại di sản, các đương sự cũng không hưởng di sản gì nên không đồng ý trả nợ theo yêu cầu ngân hàng. Đồng ý phát mãi tài sản thế chấp để thanh toán nợ còn lại.

*\* Tại biên bản lấy lời khai ngày 17.3.2021, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn N, bà Phạm Thị A trình bày:* Vào năm 2009 ông N bà A có thỏa thuận với ông N để nhận cầm cố đất lúa thửa 700 với giá 45 chỉ vàng 24k, thời hạn cầm cố là 03 năm, đã giao đủ vàng cố cho ông N. Do hiện nay ông N và gia đình chưa chuộc lại đất nên ông bà tiếp tục sử dụng đất. Nay ngân hàng yêu cầu phát mãi đất để thanh toán nợ thì ông bà không đồng ý nhưng ông bà không yêu cầu độc lập trong vụ án, không tranh chấp hợp đồng cầm cố với người kế thừa của ông N. Nếu các bên phát sinh tranh chấp hợp đồng cầm cố thì ông bà khởi kiện thành vụ kiện khác.

*Quá trình giải quyết,* Tòa án đã mở các phiên hòa giải theo thủ tục tố tụng nhưng các đương sự có mặt tại phiên hòa giải không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

*Tại phiên tòa hôm nay,*

- Đại diện nguyên đơn yêu cầu các bị đơn chị Trương Thị T, anh Trương Thành T<sup>1</sup>, anh Trương Thành T<sup>2</sup> và anh Trương Thành T<sup>3</sup> có nghĩa vụ trả nợ cho đến ngày 17.3.2021 tổng cộng 138.188.358 đồng - trong đó nợ gốc 100.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 10.356.165 đồng và nợ lãi quá hạn 27.832.193 đồng), yêu cầu bị đơn tiếp tục trả nợ lãi cho đến khi tất nợ.

- Bị đơn anh Trương Thành T<sup>1</sup> và anh Trương Thành T<sup>2</sup> vẫn giữ nguyên ý kiến ban đầu.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn N, bà Phạm Thị A vẫn giữ nguyên ý kiến ban đầu.

*Ý kiến của Kiểm sát viên:*

*./ Về thủ tục tố tụng:* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng là đúng trình tự thủ tục luật định.

/ Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn anh T<sup>1</sup> và anh T<sup>2</sup>. Buộc anh T<sup>1</sup> và anh T<sup>2</sup> có trách nhiệm trả nợ gốc và lãi cho ngân hàng theo thỏa thuận hợp đồng tín dụng số N0002/119 ngày 04.01.2019 giữa ngân hàng với ông N. Trường hợp bị đơn không trả hoặc trả không đủ nợ theo thỏa thuận thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thanh toán nợ. Nếu tài sản thế chấp không đủ trả nợ thì yêu cầu bị đơn tiếp tục trả thêm cho đến khi tất nợ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về quan hệ pháp luật*: Nguyên đơn ngân hàng thương mại cổ phần Đ với bị đơn ông Trương Văn N có thỏa thuận ký kết hợp đồng tín dụng với mục đích: chi phí phục vụ nông nghiệp trồng lúa. Quá trình giao dịch, ông N chết nên không thanh toán nợ đến hạn theo thỏa thuận nên ngân hàng có đơn khởi kiện người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông N để yêu cầu đòi nợ. Xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 14 điều 26, điểm a khoản 1 điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2]. *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn chị Trương Thị T, anh Trương Thành T<sup>1</sup>, anh Trương Thành T<sup>2</sup> và anh Trương Thành T<sup>3</sup> có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. *Xác định tư cách tham gia tố tụng*: Vào ngày 04.01.2019, Ngân hàng thương mại cổ phần Đ với ông Trương Văn N thỏa thuận cho vay/vay theo hợp đồng tín dụng. Đến ngày 17.12.2019 ông N chết (*bút lục: 16*) nên phát sinh người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông N - hàng thừa kế thứ nhất theo quy định pháp luật. Theo đó, xác định chị Trương Thị T, anh Trương Thành T<sup>1</sup>, anh Trương Thành T<sup>2</sup> và anh Trương Thành T<sup>3</sup> là bị đơn theo quy định tại khoản 3 điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự là đúng quy định pháp luật.

[4]. *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*:

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Đ yêu cầu người thừa kế theo pháp luật của ông N gồm chị Trương Thị T, anh Trương Thành T<sup>1</sup>, anh Trương Thành T<sup>2</sup> và anh Trương Thành T<sup>3</sup> có nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng số: N0002/119 ngày 04.01.2019 được giao kết giữa ông N với ngân hàng.

Quá trình giải quyết vụ án, các bị đơn đều thừa nhận: Ngày 04.01.2019 ông N có thỏa thuận giao kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng thương mại cổ phần Đ theo hợp đồng tín dụng số: N0002/119 để vay 200.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất: 10,5%/năm, lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn đang áp dụng tại thời điểm phát sinh nợ quá hạn.

Tuy nhiên, chị T và anh T<sup>3</sup> cho rằng hiện nay bản thân không hưởng thừa kế của ông N nên không đồng ý trả nợ vay do ông N xác lập khi còn sống. Đối với anh T<sup>1</sup> và anh T<sup>2</sup> thì thừa nhận nợ và đồng ý có trách nhiệm trả nợ vay của ông N cho ngân hàng. Do ông N đã trả được 100.000.000 đồng nợ gốc và 38.000.000 đồng nợ lãi nên anh T<sup>1</sup>, anh T<sup>2</sup> đồng ý trả các khoản nợ còn lại, tính đến ngày 17.3.2021 số tiền còn lại tổng cộng 138.188.358 đồng (gồm 100.000.000 đồng nợ gốc, 10.356.165 đồng nợ lãi trong hạn và 27.832.193 đồng nợ lãi quá hạn) và tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán dứt nợ. Vì vậy yêu cầu đòi nợ vay của ngân hàng phù hợp theo quy định tại điều 91 và khoản 2 điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

[5]. *Đối với yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để xử lý nợ.*

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đồng ý phát mãi tài sản thế chấp để trả nợ ngân hàng theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: K.0001-19/TC ngày 04.01.2019 đối với thửa đất số 700 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng quyền sử dụng số: số 000234 ngày 03.9.1990 do UBND quận Thốt Nốt cấp cho ông Trương Văn N đứng tên quyền sử dụng - tọa lạc tại khu vực L, phường H, quận T, thành phố Cần Thơ.

Hội đồng xét xử xét thấy, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất đã được công chứng tại Văn phòng công chứng ngày 07.01.2019, đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai quận T ngày 07.01.2019. Theo đó, thì ông Trương Văn N đồng ý thế chấp quyền sử dụng đất số: 000234.QSDĐ ngày 03.9.1998 do ông Trương Văn N đứng tên quyền sử dụng (chỉnh lý ngày 20.12.2018 - trang 4 giấy đất) để đảm bảo vay số tiền 200.000.000 đồng. Trên cơ sở Hợp đồng thế chấp tài sản được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục luật định nên có căn cứ khẳng định ông N sử dụng tài sản của mình để thế chấp nhằm đảm bảo nợ vay tại ngân hàng là hoàn toàn tự nguyện và đúng quy định pháp luật nên khi phát sinh tranh chấp đã dẫn đến phát sinh nghĩa vụ thế chấp tài sản. Mặt khác, theo thỏa thuận tại Điều 7 của Hợp đồng thế chấp thì các bên thỏa thuận xử lý tài sản để thu hồi vốn vay khi nợ đến hạn trả mà bên vay không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, khi người kế thừa nghĩa vụ tài sản của ông N không trả được nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để xử lý nợ theo quy định tại khoản 2 điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

Đối với người đang quản lý sử dụng đất theo hợp đồng cầm cố là ông N bà A không đồng ý phát mãi đất, ông bà cũng không yêu cầu độc lập, không tranh chấp hợp đồng cầm cố với người kế thừa của ông N nên ông N bà A có nghĩa vụ giao tài sản thế chấp để thực hiện nghĩa vụ phát mãi tại giai đoạn thi hành án.

Từ những viện dẫn trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

[6]. *Về chi phí thẩm định tài sản:* Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu chi phí này. Nguyên đơn đã nộp chi phí tạm ứng thẩm định số tiền 3.500.000 đồng nên bị đơn có nghĩa vụ bồi hoàn cho nguyên đơn số tiền trên.

[7]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

./ Do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí giá ngạch là:  $5\% \times 138.188.358 \text{ đồng} = 6.909.417,9 \text{ đồng}$ . Xét giảm 50% án phí do hoàn cảnh khó khăn về kinh tế được Ủy ban nhân dân phường Q xác nhận nên bị đơn còn phải nộp:  $6.909.417,9 \text{ đồng} \times 50\% = 3.454.708,95 \text{ đồng}$  (làm tròn 3.455.000 đồng).

./ Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 3 điều 26, điểm b khoản 1 điều 35, 147, 227, 228 và điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 615 Bộ luật dân sự.

- Điều 91, 94 và 95 Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 17.6.2010.

- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Đ (có anh Ông Thanh T) đối với bị đơn anh Trương Thành T<sup>1</sup> và anh Trương Thành T<sup>2</sup>.

Buộc anh Trương Thành T<sup>1</sup> và anh Trương Thành T<sup>2</sup> có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ tổng cộng 138.188.358 đồng, trong đó:

./ Nợ gốc: 100.000.000 đồng;

./ Nợ lãi trong hạn: 10.356.165 đồng.

./ Nợ lãi quá hạn: 27.832.193 đồng (tính đến ngày 17.3.2021).

Anh Trương Thành T<sup>1</sup> và anh Trương Thành T<sup>2</sup> phải tiếp tục trả lãi theo hợp đồng tín dụng số: N0002/119 ngày 04.01.2019 cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ kể từ ngày 18.3.2021 trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng và thời gian chậm trả cho đến khi thanh toán xong. Trường hợp trong hợp đồng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bị đơn phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh theo lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Trường hợp anh Trương Thành T<sup>1</sup> và anh Trương Thành T<sup>2</sup> không trả được nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần Đ có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thanh toán nợ. Cụ thể là Quyền sử dụng đất thửa số 700, diện tích 3.408m<sup>2</sup>, tờ bản

đồ số 8, loại đất 2L, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000234.QSDĐ (số sêri L 822780) ngày 03.9.1990 do UBND huyện Thốt Nốt cấp cho ông Trương Văn N đứng tên quyền sử dụng - đất tọa lạc tại khu vực L, phường H, quận T, thành phố Cần Thơ.

*(Gửi kèm biên bản thẩm định tài sản ngày 31.3.2021).*

Nếu tài sản thế chấp không đủ trả nợ thì anh Trương Thành T<sup>1</sup> và anh Trương Thành T<sup>2</sup> có nghĩa vụ tiếp tục trả thêm cho đến khi trả hết nợ.

**3. Về án phí dân sự sơ thẩm:**

/ Anh Trương Thành T và anh Trương Thành T phải nộp 3.455.000 đồng.

/ Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Đ được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 3.235.500 đồng theo phiếu thu số: AA/2019/012504 ngày 22.10.2020 tại Chi cục dân sự Thi hành án quận T, thành phố Cần Thơ.

**4. Về chi phí thẩm định tài sản:** Bị đơn anh Trương Thành T<sup>1</sup> và anh Trương Thành T<sup>2</sup> phải chịu 3.500.000 đồng. Nguyên đơn đã nộp tạm ứng chi phí này nên anh T<sup>1</sup> và anh T<sup>2</sup> phải hoàn lại nguyên đơn số tiền trên.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án niêm yết bản án tại địa phương để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án và cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND quận T;
- THA quận T;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Điền